

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Số: 3365 /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bình Định, ngày 11 tháng 09 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt trữ lượng tài nguyên khoáng sản trong “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đất làm vật liệu san lấp tại mỏ QN03, Phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định” của Công ty TNHH Xây dựng Thuận Nghĩa

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản; mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 51/2017/TT-BTNMT ngày 30 tháng 11 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 60/2017/TT-BTNMT ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy định về phân cấp trữ lượng và tài nguyên khoáng sản rắn;

Căn cứ Giấy phép thăm dò số 103/GP-UBND ngày 31/5/2023 của UBND tỉnh cấp cho Công ty TNHH Xây dựng Thuận Nghĩa;

Theo kết quả cuộc họp Hội đồng thẩm định Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản tại phiên họp ngày 10/8/2023 và đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1074/TTr-STNMT ngày 08/9/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thông qua báo cáo và phê duyệt trữ lượng tài nguyên khoáng sản trong “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đất làm vật liệu san lấp tại mỏ QN03 Phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định” do Công ty TNHH Xây dựng Thuận Nghĩa thực hiện, với các nội dung chính sau:

1. Diện tích khu vực thăm dò là 07ha và diện tích phê duyệt trữ lượng là 6,67ha được giới hạn bởi các điểm góc có tọa độ xác định tại Phụ lục 01 và Bình đồ phân khối trữ lượng kèm theo Quyết định này.

2. Phê duyệt trữ lượng khoáng sản đã tính trong báo cáo:

- Trữ lượng địa chất đất làm vật liệu san lấp theo cấp 122 là: 351.487m³.
- Hệ số nở rời đất san lấp: 1,185.

3. Mức sâu các khối trữ lượng phê duyệt: Trữ lượng và tài nguyên khoáng sản đất làm vật liệu san lấp của từng khối, cấp được thống kê chi tiết tại Phụ lục 02 kèm theo của Quyết định này.

4. Xác nhận trữ lượng khoáng sản được phép đưa vào thiết kế khai thác:

Trữ lượng địa chất đất làm vật liệu san lấp theo cấp 122: 351.487m³.

Điều 2. Các tài liệu của báo cáo kết quả thăm dò được sử dụng để lập dự án đầu tư khai thác mỏ và giao nộp lưu trữ địa chất.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Công Thương; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Chủ tịch UBND thành phố Quy Nhơn, Thủ trưởng các đơn vị liên quan và Giám đốc Công ty TNHH Xây dựng Thuận Nghĩa chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, PCT TT: N. T. Thanh;
- Lưu: VT, K4.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tuấn Thanh

PHỤ LỤC 1
TỌA ĐỘ KHU VỰC THĂM DÒ, PHÊ DUYỆT TRỮ LƯỢNG KHOÁNG
SẢN TẠI MỎ QN03 PHƯỜNG BÙI THỊ XUÂN, THÀNH PHỐ QUY NHƠN,
TỈNH BÌNH ĐỊNH

(Kèm theo Quyết định phê duyệt trữ lượng số: /QĐ-UBND ngày tháng
năm 2023 của UBND tỉnh Bình Định)

1. Khu vực thăm dò

Stt	Điểm góc	Tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 108°15'múi chiếu 3 ⁰	
		X(m)	Y(m)
1	1	1.518.819	598.783
2	2	1.518.739	598.537
3	3	1.518.535	598.584
4	4	1.518.465	598.598
5	5	1.518.499	598.808
Diện tích 07 ha			

2. Khu vực phê duyệt trữ lượng

Stt	Điểm góc	Tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 108°15'múi chiếu 3 ⁰	
		X(m)	Y(m)
1	1	1.518.819,00	598.783,00
2	2	1.518.739,00	598.537,00
3	M1	1.518.554,31	598.579,55
4	M2	1.518.558,32	598.587,18
5	M3	1.518.560,69	598.588,77
6	M4	1.518.532,76	598.591,98
7	M5	1.518.520,49	598.635,53
8	M6	1.518.488,68	598.648,37
9	M7	1.518.473,53	598.650,68
10	5	1.518.499,00	598.808,00
Diện tích 6,67 ha			

PHỤ LỤC 2
THỐNG KÊ TRỮ LƯỢNG KHOÁNG SẢN TẠI MỎ QN03 PHƯỜNG BÙI
THỊ XUÂN, THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

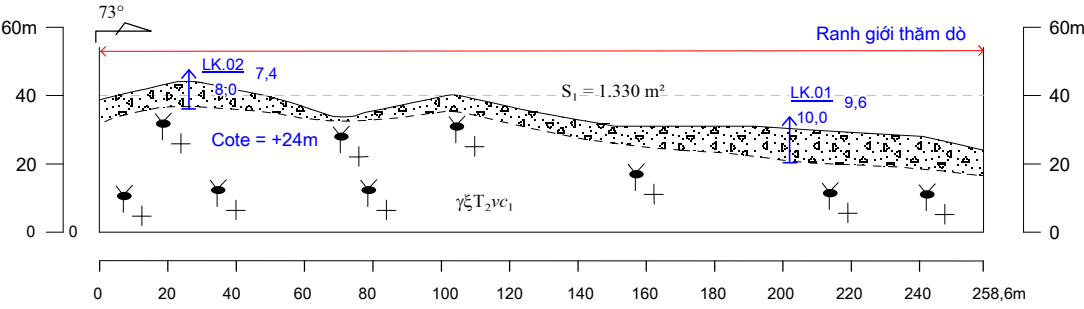
(Kèm theo Quyết định phê duyệt trữ lượng số: /QĐ-UBND ngày tháng năm
2023 của UBND tỉnh Bình Định)

TT	Số hiệu khối - Cấp trữ lượng	Mức sâu thấp nhất khối trữ lượng (m)	Bề dày TB khối tính đến cote +24m	Diện tích khối trữ lượng trên bình đồ (m ²) S _{bk}	Trữ lượng đất làm vật liệu san lấp (m ³)
1	I-122	+24	5,3	32.410	171.773
2	II-122	+26,5	5,9	30.460	179.714
Trữ lượng đất làm VLSL toàn mỏ cấp 122 (m³):					351.487

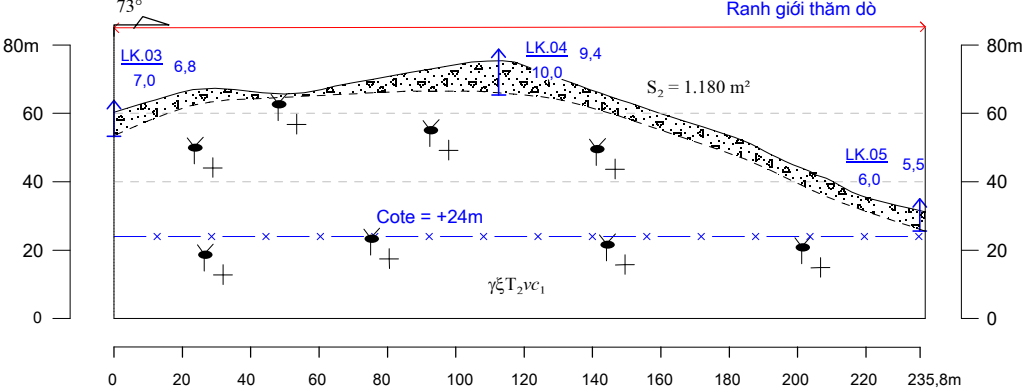
MẶT CẮT VÀ BÌNH ĐỒ PHÂN KHỐI TÍNH TRỮ LƯỢNG

KHOẢNG SẢN ĐẤT LÀM VẬT LIỆU SAN LẤP TẠI MỎ QN03, PHƯỜNG BÙI THỊ XUÂN, THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

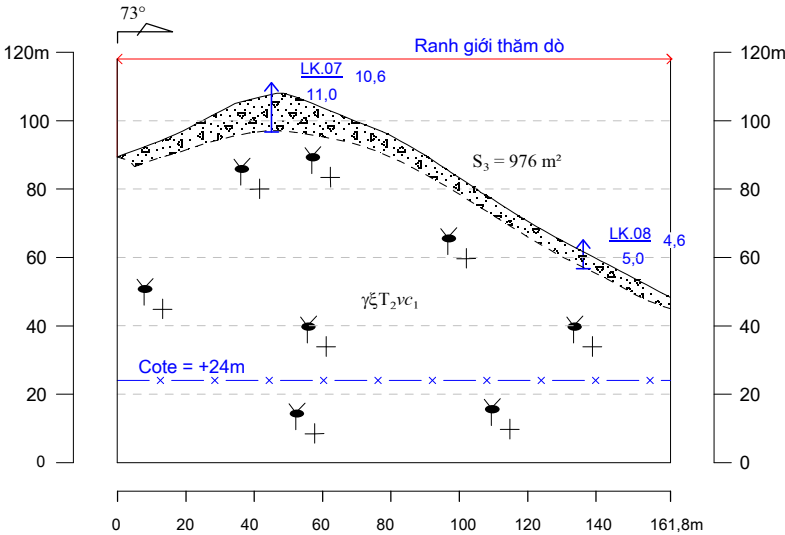
MẶT CẮT TÍNH TRỮ LƯỢNG - TUYẾN T1
Tỷ lệ 1:2.000



MẶT CẮT TÍNH TRỮ LƯỢNG - TUYẾN T2
Tỷ lệ 1:2.000

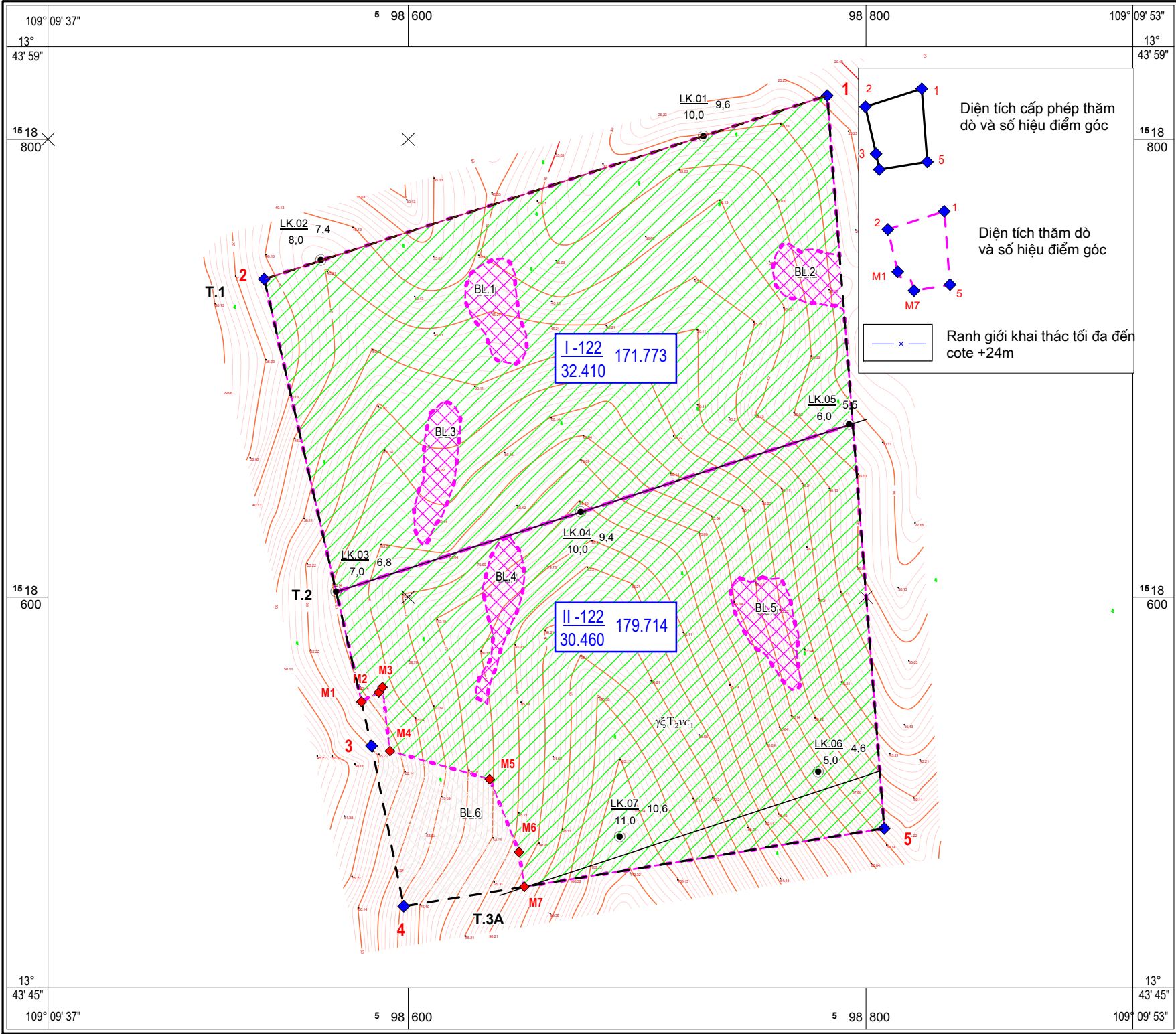


MẶT CẮT TÍNH TRỮ LƯỢNG - TUYẾN T3A
Tỷ lệ 1:2.000

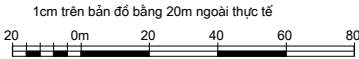


BẢNG TRỮ LƯỢNG - PHƯƠNG PHÁP KHỐI ĐỊA CHẤT

STT	Số hiệu khối trữ lượng	Chiều dày TB khối (m)	Diện tích khối trên bình đồ (m²) St	Trữ lượng (m³)	Mức sâu thấp nhất khối trữ lượng (m)
1	I-122	5,3	32.410	171.773	+24,0
2	II-122	5,9	30.460	179.714	+26,5
Trữ lượng cấp 122 (I+II):				351.487	



TỶ LỆ 1:2.000



Bản đồ thành lập bằng phương pháp đo vẽ trực tiếp:
Hoàn thành tháng 06 năm 2023.
Hệ tọa độ Quốc gia VN-2000, múi chiếu 3 độ, kinh tuyến
trục 108 độ 15 phút. Hệ độ cao Hòn Dấu - Hải Phòng